FireAnt

CTCP Thaiholdings (HNX: THD)

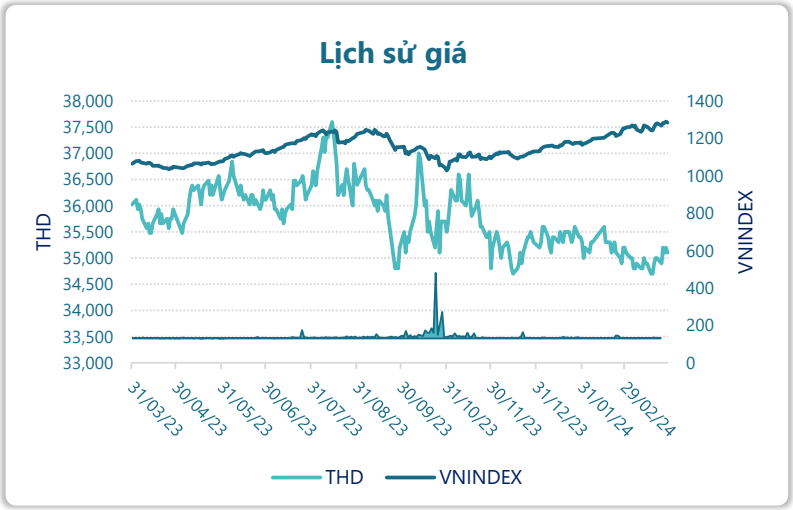

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**35,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,700
SL cổ phiếu LH	384,999,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,255
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,513
P/E	89.0
EPS	395

DT thuần

Q1/24

276

tỷ VNĐ

QoQ: ▼62.0| -18.5%

YoY: ▼308| -52.8%

LN sau thuế

Q1/24

49.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.2| -26.9%

YoY: ▼21.0| -29.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

19.4%

+/- YoY: ▲ 6.7%

DT thuần

2023

1,870

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,243| -54.5%

LN sau thuế

2023

225

tỷ VNĐ

YoY: ▼76.0| -25.5%

ROE

2023

2.9%

+/- YoY: ▼ 1.1%

Kết quả kinh doanh

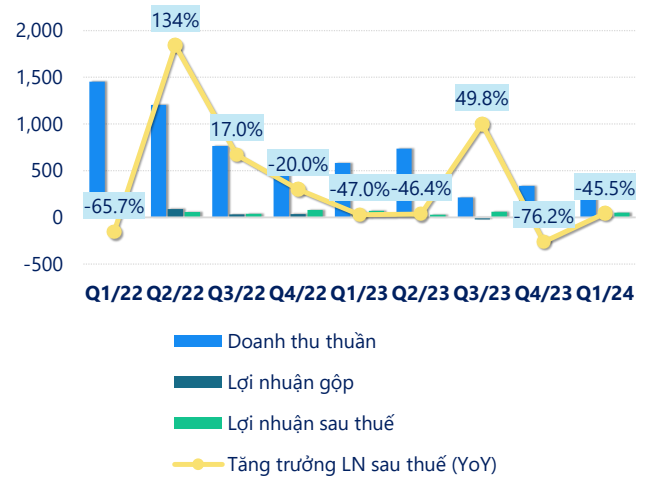

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

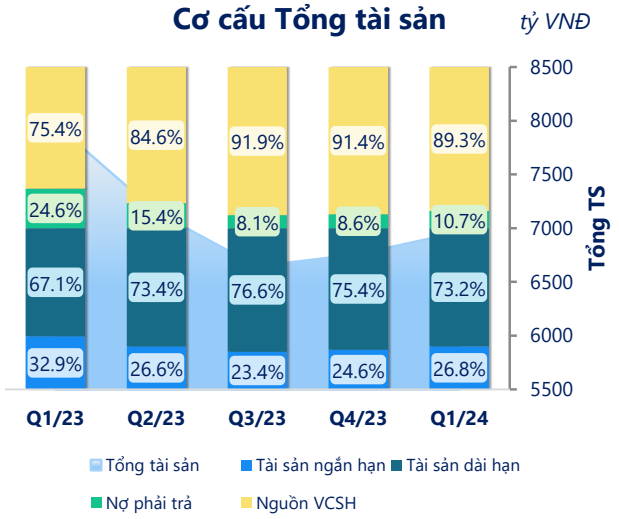

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

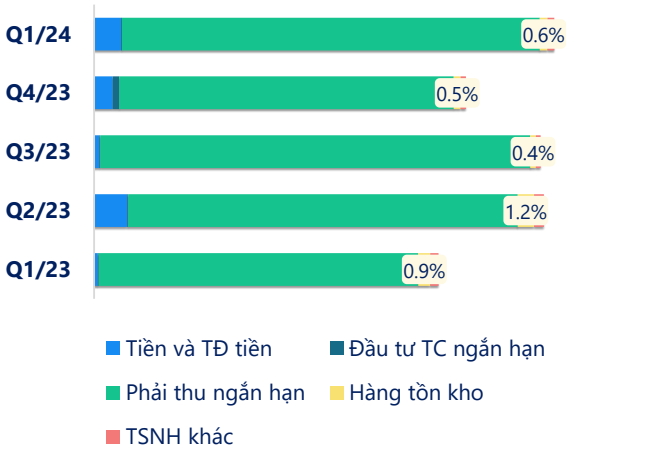

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

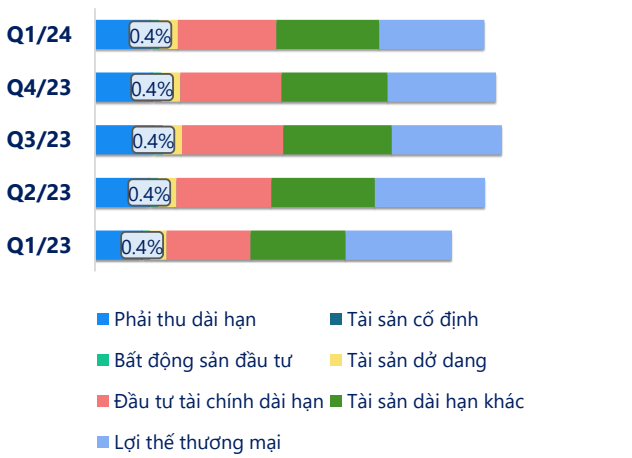

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

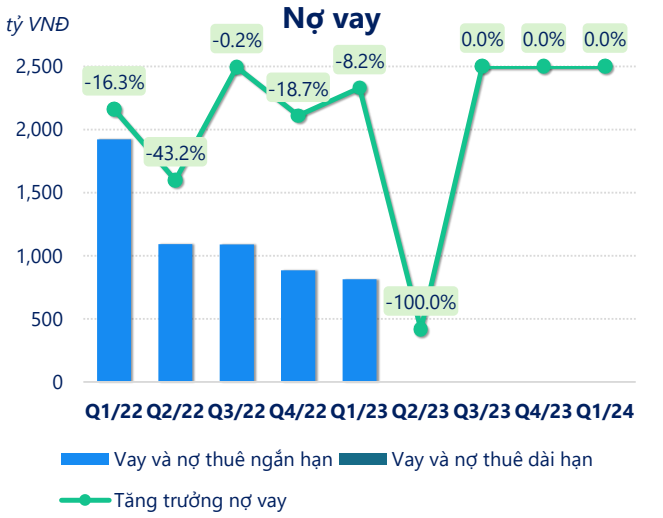

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

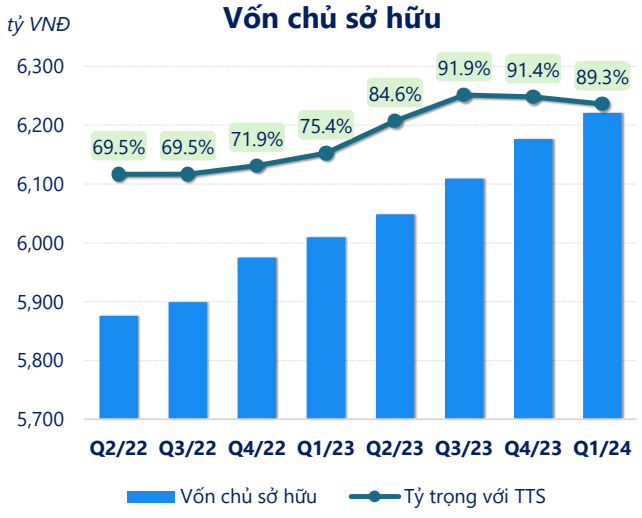

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

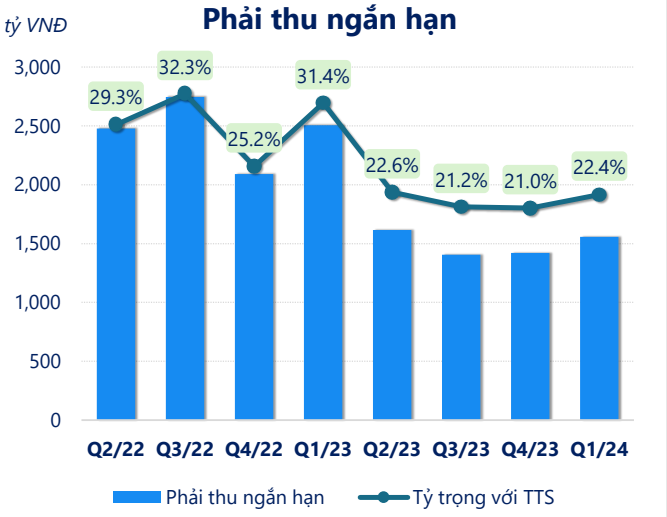

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

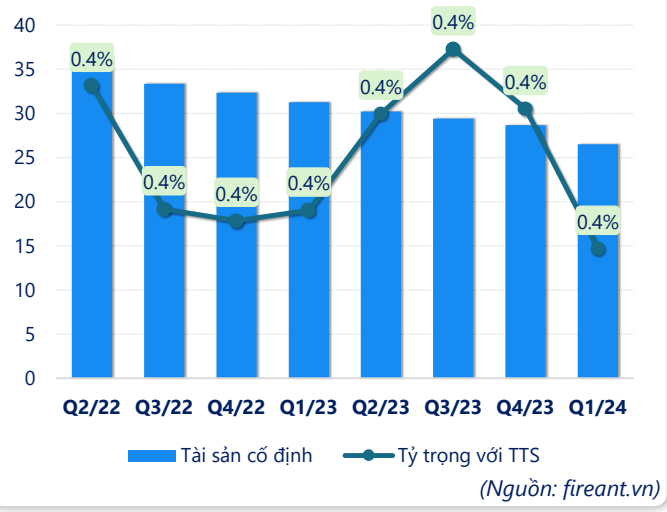

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

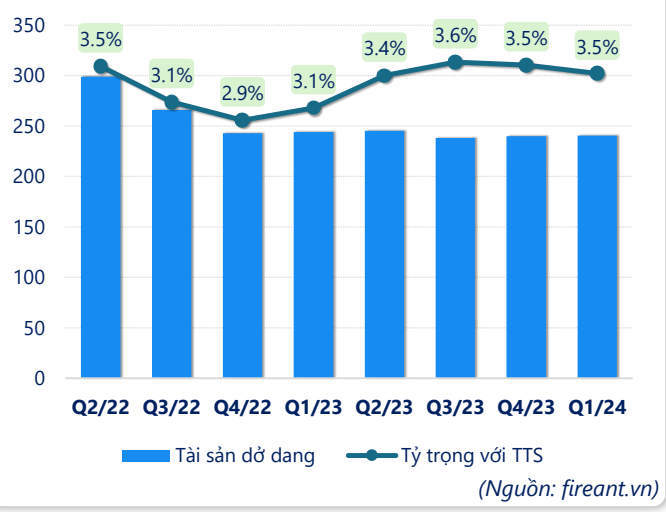

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

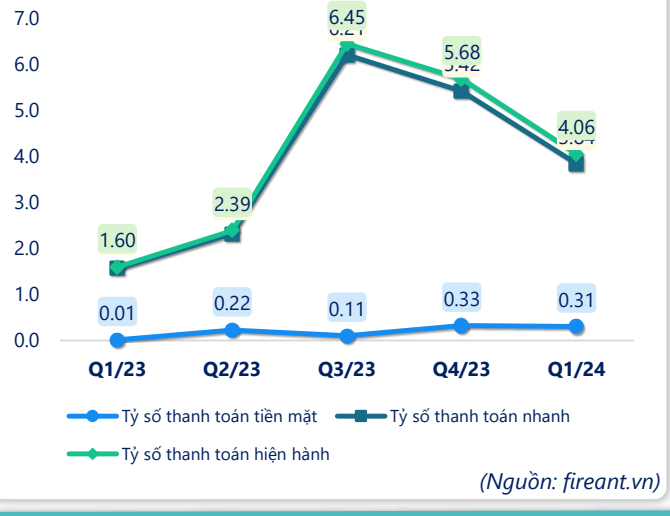

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

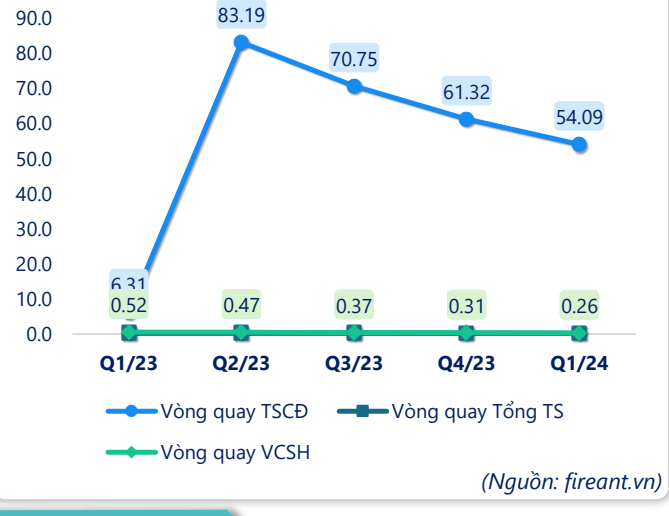

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**7,969**	**7,152**	**6,646**	**6,760**	**6,965**
Tài sản ngắn hạn	**2,621**	**1,906**	**1,558**	**1,660**	**1,864**
Tiền và tương đương tiền	22.7	178	25.7	95.0	141
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.10	13.1	41.0	41.0	37.1
Phải thu ngắn hạn	2,505	1,616	1,406	1,421	1,558
Hàng tồn kho	47.1	53.4	57.8	77.6	97.6
Tài sản ngắn hạn khác	40.3	45.2	27.9	25.5	30.7
Tài sản dài hạn	**5,348**	**5,246**	**5,088**	**5,100**	**5,101**
Phải thu dài hạn	691	715	715	712	712
Tài sản cố định	31.3	30.2	29.4	28.7	26.5
Bất động sản đầu tư	105	105	105	105	105
Tài sản dở dang	244	245	238	240	240
Đầu tư tài chính dài hạn	1,261	1,276	1,267	1,284	1,291
Tài sản dài hạn khác	1,427	1,392	1,357	1,353	1,348
Lợi thế thương mại	1,589	1,483	1,377	1,377	1,377
Nợ phải trả	**1,960**	**1,104**	**537**	**584**	**744**
Nợ ngắn hạn	**1,641**	**799**	**242**	**292**	**460**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	813	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	460	514	81.0	66.7	134
Nợ dài hạn	319	305	296	292	284
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,009**	**6,048**	**6,109**	**6,176**	**6,221**
Vốn chủ sở hữu	**6,009**	**6,048**	**6,109**	**6,176**	**6,221**
Vốn điều lệ	3,500	3,500	3,850	3,850	3,850
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)